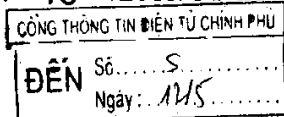


**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: **19** /2015/TT-BNNPTNTHà Nội, ngày **27** tháng **4** năm 2015**THÔNG TƯ**

Quy định Quy trình bố trí, ổn định dân cư thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng đến năm 2020”;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư Quy định Quy trình bố trí, ổn định dân cư thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định quy trình bố trí, ổn định dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn cả nước đến năm 2020.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, hộ gia đình có liên quan đến công tác bố trí, ổn định dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Bố trí ổn định dân cư phải thực hiện theo quy hoạch, kế hoạch của địa phương được cấp có thẩm quyền phê duyệt hàng năm và từng giai đoạn, đảm bảo ổn định đời sống, phát triển sản xuất, thực hiện công tác giảm nghèo bền vững tại địa phương. Đảm bảo sự đoàn kết giữa các dân tộc của cộng đồng dân cư trên địa bàn.

2. Quy trình bố trí, ổn định dân cư là căn cứ để thanh toán, quyết toán nguồn kinh phí hỗ trợ bố trí, ổn định dân cư theo quy định tài chính hiện hành; đồng thời là cơ sở để thực hiện thanh tra, kiểm tra, đánh giá hiệu quả công tác bố trí, ổn định dân cư.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. Bố trí, ổn định dân cư trong huyện là hình thức bố trí, ổn định dân cư trong phạm vi một hoặc nhiều xã trên địa bàn của một huyện.

2. Bố trí, ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh: là hình thức bố trí, ổn định dân cư từ huyện này sang huyện khác trong phạm vi một tỉnh.

3. Bố trí, ổn định dân cư ngoài tỉnh: là hình thức bố trí, ổn định dân cư từ tỉnh này sang tỉnh khác.

Chương II

QUY TRÌNH BỐ TRÍ, ỔN ĐỊNH DÂN CƯ

Điều 5. Bố trí, ổn định dân cư trong huyện

1. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đi

a) Tổ chức tuyên truyền, vận động: Căn cứ vào kế hoạch bố trí, ổn định dân cư được cấp có thẩm quyền giao hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức tuyên truyền, vận động (bằng nhiều hình thức qua hệ thống loa truyền thanh, họp dân, niêm yết công khai tại các nơi sinh hoạt cộng đồng) để người dân thuộc diện bố trí ổn định hiểu rõ về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với Chương trình bố trí dân cư và mục tiêu dự án, phương án.

b) Phối hợp với chủ dự án tổ chức họp các hộ dân trong thôn, bản thuộc vùng dự án, phương án để thực hiện các nội dung:

- Phổ biến chủ trương, kế hoạch bố trí, ổn định dân cư, công khai chính sách, chế độ được hỗ trợ;

- Hướng dẫn các chủ hộ làm đơn tự nguyện tham gia vào các dự án bố trí, ổn định dân cư và phương án bố trí dân cư xen ghép (sau đây gọi là dự án, phương án bố trí, ổn định dân cư);

- Lập danh sách các hộ dân có đơn tham gia dự án, phương án.

c) Thành lập Hội đồng bình xét hộ tham gia dự án, phương án gồm: đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, trưởng thôn (bản, buôn, ấp), đại diện các tổ chức chính trị - xã hội trong xã và đại diện chủ dự án để thực hiện các nội dung sau:

- Thông báo danh sách các hộ có đơn tham gia dự án, phương án;

- Tiến hành bình xét và lập danh sách các hộ đáp ứng tiêu chí của dự án, phương án;

- Công khai danh sách hộ được bố trí, ổn định dân cư (niêm yết danh sách tại nơi trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi sinh hoạt công cộng, qua hệ thống truyền thanh của địa phương) và giải quyết các kiến nghị. Sau 15 ngày kể từ khi công khai danh sách, hoàn thiện danh sách gửi về Ủy ban nhân dân cấp xã.

d) Gửi 01 bộ hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định bố trí, ổn định dân cư đến vùng dự án, phương án qua đường bưu điện hoặc trực tiếp, hồ sơ bao gồm:

- Đơn tự nguyện bố trí, ổn định dân cư (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này);

- Biên bản họp bình xét hộ dân được bố trí, ổn định (Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này);

- Danh sách trích ngang các hộ bố trí, ổn định dân cư (Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này);

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã.

đ) Căn cứ Quyết định bố trí, ổn định dân cư đến vùng dự án, phương án của Ủy ban nhân dân cấp huyện, thông báo danh sách các hộ được bố trí, ổn định dân cư.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đến

Phối hợp với địa phương nơi dân đi, chủ đầu tư, đại diện các hộ bố trí, ổn định dân cư thực hiện các nội dung:

a) Tổ chức thẩm tra địa bàn nhận dân;

b) Tổ chức triển khai thực hiện bố trí, ổn định các hộ dân đến khu tái định cư, xen ghép theo dự án, phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; hướng dẫn các hộ tổ chức phát triển sản xuất, ổn định đời sống và xây dựng nhà ở theo quy hoạch;

c) Khai hoang đất ở, đất sản xuất hoặc tổ chức chuyển nhượng đất đai để giao cho các hộ dân đến;

d) Lập biên bản nghiệm thu số hộ tham gia dự án, phương án (Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này).

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Chỉ đạo phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện được giao quản lý về lĩnh vực bố trí dân cư:

- Tiếp nhận hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp xã và trả giấy hẹn ngày nhận kết quả ngay khi tiếp nhận hồ sơ (đối với trường hợp nộp trực tiếp);

- Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ của Ủy ban nhân dân cấp xã, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định bố trí, ổn định dân cư đến vùng dự án, phương án; đồng thời gửi Quyết định nêu trên đến các cấp, ban ngành có liên quan.

b) Chỉ đạo đơn vị có liên quan thực hiện chi trả chế độ chính sách cho các hộ được phê duyệt bố trí, ổn định dân cư theo quy định hiện hành (Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này).

c) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đi và xã nơi đến tiến hành bàn giao số hộ bố trí, ổn định dân cư (Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này).

d) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với chủ dự án lập biên bản nghiệm thu (Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này).

Điều 6. Bố trí, ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh

1. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đi

a) Thực hiện theo quy định tại điểm a, b, c, d Khoản 1, Điều 5 Thông tư này;

b) Căn cứ vào Quyết định di dân đến vùng dự án, phương án của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đi và Quyết định tiếp nhận dân đến vùng dự án, phương án của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đến thông báo danh sách các hộ được bố trí, ổn định dân cư.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đến: Thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 5 Thông tư này.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đi

a) Chỉ đạo phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện được giao quản lý về lĩnh vực bố trí dân cư:

- Tiếp nhận hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp xã và trả giấy hẹn ngày nhận kết quả ngay khi tiếp nhận hồ sơ (đối với trường hợp nộp trực tiếp);

- Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ của Ủy ban nhân dân cấp xã, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định di dân đến vùng dự

án, phương án bố trí, ổn định dân cư; đồng thời tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản (kèm theo Quyết định di dân đến vùng dự án, phương án bố trí, ổn định dân cư) đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đến ban hành Quyết định tiếp nhận bố trí, ổn định dân cư đến vùng dự án, phương án.

b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đến tổ chức bàn giao, đưa các hộ được bố trí ổn định đến vùng dự án, phương án.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đến

a) Chỉ đạo các phòng, ban được giao quản lý nhà nước về lĩnh vực bố trí dân cư của huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nhận dân kiểm tra địa bàn vùng dự án, phương án và lập biên bản (Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đi, đồng thời căn cứ vào kế hoạch bố trí, ổn định dân cư được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao; tổ chức thẩm tra địa bàn nhận dân, xem xét, ban hành Quyết định tiếp nhận bố trí, ổn định dân cư đến vùng dự án, phương án và gửi Quyết định nêu trên đến các cấp, ban ngành có liên quan;

c) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đi tổ chức tiếp nhận các hộ vào vùng dự án, phương án (Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này);

d) Chỉ đạo đơn vị có liên quan thực hiện chi trả chế độ chính sách cho các hộ theo quy định hiện hành (Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này);

đ) Chỉ đạo lập biên bản nghiệm thu (Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này).

Điều 7. Bố trí, ổn định dân cư ngoài tỉnh

Căn cứ vào sự thống nhất bố trí, ổn định dân cư của các tỉnh và được sự đồng ý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các địa phương thực hiện như sau:

1. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đi:

a) Thực hiện theo quy định tại điểm a, b, c, d Khoản 1, Điều 5 Thông tư này;

b) Căn cứ vào Quyết định di dân đến vùng dự án, phương án của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đi và Quyết định tiếp nhận dân đến vùng dự án, phương án của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đến thông báo danh sách các hộ được bố trí, ổn định dân cư.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đến: Thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 5 Thông tư này.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đi

a) Chỉ đạo phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện được giao quản lý về lĩnh vực bố trí dân cư:

- Tiếp nhận hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp xã và trả giấy hẹn ngày nhận kết quả ngay khi tiếp nhận hồ sơ (đối với trường hợp nộp trực tiếp);

- Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ của Ủy ban nhân dân cấp xã, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định hồ sơ.

b) Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành Quyết định di dân đến vùng dự án, phương án bố trí, ổn định dân cư.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đi

a) Chỉ đạo Cơ quan quản lý chuyên ngành bố trí dân cư của tỉnh:

- Tiếp nhận hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp huyện, tổng hợp và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định di dân đến vùng dự án, phương án bố trí, ổn định dân cư; đồng thời tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản (kèm theo Quyết định di dân đến vùng dự án, phương án bố trí, ổn định dân cư) đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đến ban hành Quyết định tiếp nhận bố trí, ổn định dân cư đến vùng dự án, phương án.

b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đến tổ chức bàn giao, đưa các hộ đến vùng dự án, phương án.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đến

a) Chỉ đạo các cấp chính quyền vùng dự án, phương án kiểm tra địa bàn nhận dân và lập biên bản (Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đi, đồng thời căn cứ vào kế hoạch bố trí, ổn định dân cư hàng năm của tỉnh; tổ chức thẩm tra địa bàn nhận dân, xem xét, ban hành Quyết định tiếp nhận bố trí, ổn định dân cư đến vùng dự án, phương án;

c) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đi tổ chức tiếp nhận các hộ vào vùng dự án, phương án (Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này);

d) Chỉ đạo đơn vị có liên quan thực hiện chi trả chế độ chính sách cho các hộ theo quy định hiện hành (Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này);

đ) Chỉ đạo lập biên bản nghiệm thu (Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này).

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn

Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

1. Đề xuất các giải pháp và hướng dẫn thực hiện quy trình bố trí ổn định dân cư có hiệu quả.
2. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình bố trí ổn định dân cư tại các địa phương.
3. Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện.

Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Chỉ đạo các cấp, các ngành có liên quan trong tỉnh tổ chức thực hiện quy trình bố trí ổn định dân cư theo quy định tại Thông tư này.
2. Thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện quy trình bố trí, ổn định dân cư trên địa bàn.
3. Đối với các hộ dân sống trong vùng thiên tai, nguy cơ cao thiên tai, di cư tự do, rừng đặc dụng không tự nguyện bố trí, ổn định dân cư thì chính quyền địa phương xử lý theo quy định hiện hành và bố trí theo quy hoạch.
4. Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo định kỳ hoặc đột xuất về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2015 và thay thế Thông tư số 14/2010/TT-BNNPTNT ngày 19 tháng 3 năm 2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn “Quy định Quy trình bố trí, ổn định dân cư thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 193/2006/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ”; Điều 1 Thông tư số 22/2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn “Sửa đổi, bổ sung một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn, thi đua khen thưởng, quản lý đề tài khoa học theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15/12/2010”; Khoản 1, Điều 12 Thông tư số 03/2014/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 1 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn “Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2020”.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu phát sinh những vấn đề vướng mắc, các địa phương báo cáo kịp thời cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để bổ sung, điều chỉnh./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- Công báo, cổng thông tin điện tử;
- Sở NN&PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Chi cục PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Lưu VT, KTHT.

BỘ TRƯỞNG



PHỤ LỤC I

(Ban hành kèm theo TT số **19** /2015/TT-BNNPTNT ngày **27** tháng **4** năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN TỰ NGUYỆN BỐ TRÍ, ỔN ĐỊNH DÂN CƯ

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã.....

Họ và tên chủ hộ:..... Dân tộc.....

Sinh ngày..... tháng..... năm.....

Nguyên quán:.....

Nơi ở hiện nay:.....

Hộ khẩu thường trú:.....

Thuộc đối tượng bố trí, ổn định dân cư:.....(*)

Tên dự án, phương án:.....

Số người đi trong hộ có:..... khẩu..... lao động.

DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI ĐI TRONG HỘ

Số thứ tự	Họ và Tên	Năm sinh		Quan hệ với chủ hộ	Trình độ Văn hoá	Nghề nghiệp	Số sổ hộ khẩu hoặc sổ Chứng minh thư nhân dân
		Nam	Nữ				
1				Chủ hộ			
2							
...							

Tôi tự nguyện làm đơn này xin tham gia dự án, phương án bố trí, ổn định dân cư.

Nếu được chấp nhận tôi xin cam kết:

- Tuân thủ đầy đủ nghĩa vụ, quyền công dân theo quy định của Pháp luật.
- Tổ chức xây dựng cuộc sống lâu dài tại nơi được bố trí, sắp xếp.

Nếu tôi tự ý bỏ đi nơi khác, tôi sẽ phải hoàn trả các khoản tiền Nhà nước hỗ trợ, diện tích đất, rừng đã được giao (nếu có)/.

....., ngày..... tháng..... năm

XÁC NHẬN CỦA UBND CẤP XÃ
(Họ tên, chức vụ, ký, đóng dấu)

CHỦ HỘ LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú: (*) đối tượng: thiên tai, biên giới, hải đảo, đặc biệt khó khăn, di cư tự do, dân cư trú trong rừng đặc dụng.

28

PHỤ LỤC II

(Ban hành kèm theo TT số **19** /2015/TT-BNNPTNT ngày **27** tháng **4** năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÌNH XÉT HỘ DÂN THAM GIA DỰ ÁN (PHƯƠNG ÁN).....

Hôm nay, ngày.....tháng..... năm.....,

Tại thôn (bản).....xã.....huyện.....tỉnh.....
diễn ra cuộc họp với các nội dung sau:

I/ Thành phần tham dự gồm:

1. Đại diện UBND cấp xã:

- Ông (bà)..... Chức vụ.....
.....
.....

2. Hội đồng bình xét:

- Ông (bà)..... Chức vụ.....
.....
.....

II/ Kết quả bình xét:

Tổng số hộ có đơn:.....

Số hộ được bình xét:

Danh sách hộ được bình xét

STT	Họ và tên Chủ hộ	Năm sinh		Số sổ hộ khẩu hoặc số Chứng minh thư nhân dân	Ghi chú
		Nam	Nữ		
1.					
2					
...					

Cuộc họp kết thúc lúc ngày

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
BÌNH XÉT**
(Ký tên)

CHỦ DỰ ÁN
(Ký tên)

UBND CẤP XÃ
(Ký tên và đóng dấu)

28

PHỤ LỤC III

(Ban hành kèm theo TT số 19 /2015/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TRÍCH NGANG CÁC HỘ THAM GIA DỰ ÁN (PHƯƠNG ÁN).....

Đối tượng bỏ trí, ổn định dân cư (*): Hình thức (tập trung, xen ghép, ổn định tại chỗ):.....
Nơi đi:..... Thôn (bản)..... xã....., huyện..... tỉnh.....;

Thứ tự hộ	Họ và tên (từng người trong hộ)	Năm sinh		Quan hệ với chủ hộ	Số Khẩu (của hộ)	Số lao động (của hộ)	Trình độ Văn hoá	Nghề nghiệp	Số số hộ khẩu hoặc số Chứng minh thư nhân dân (chủ hộ)	Ghi chú
		Nam	Nữ							
1	1.1.			Chủ hộ						
	1.2.									
										
2	2.1.			Chủ hộ						
	2.2.									
										
	Tổng số									

Ngày..... tháng..... năm
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ
(Ký tên và đóng dấu)

Ngày..... tháng..... năm
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú: (*) đối tượng: thiên tai, biên giới, hải đảo, đặc biệt khó khăn, di cư tự do, dân cư trú trong rừng đặc dụng.

08

PHỤ LỤC IV

(Ban hành kèm theo TT số 19 /2015/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA ĐỊA BÀN VÙNG DỰ ÁN (PHƯƠNG ÁN)..... (Áp dụng đối với hình thức bố trí, ổn định dân cư tập trung hoặc xen ghép)

Hôm nay, ngày.....tháng..... năm.....,

Tại địa bàn (Dự án, phương án).....

Thành phần kiểm tra gồm:

1. Nơi đưa dân đi:

- Đại diện cơ quan quản lý và thực hiện bố trí, ổn định dân cư: (huyện, tỉnh).....
- Đại diện UBND cấp xã
- Đại diện thôn (bản):.....
- Hộ gia đình (hoặc đại diện) tham gia dự án, phương án:
+
+

2. Nơi tiếp nhận dân:

- Đại diện cơ quan quản lý và thực hiện bố trí, ổn định dân cư: (huyện, tỉnh).....
- Đại diện UBND xã
- Đại diện thôn (bản):.....
-
-

3. Chủ dự án (phương án).....

-
-

đã đến kiểm tra địa bàn dự án, phương án.....

Qua kiểm tra địa bàn dự án, cùng xác nhận:

a. Cơ sở vật chất hạ tầng đã có (hoặc đang xây dựng) trong vùng dự án:

Danh mục	Mức độ hoàn thành công trình (%)
- Đường giao thông:	
- Công trình thủy lợi	
- Trạm xá	
- Điện	
- Nước sinh hoạt	
- Trường học	
-	

b) Đất đai (nếu có):

- Diện tích đất chưa sử dụng (trong vùng dự án):

+ Khai hoang tập trung ha

+ Diện tích đất sản xuất giao cho hộ bố trí, ổn định dân cư tự khai hoang.....

- Tổng diện tích đất đưa vào sử dụng:..... ha

+ Diện tích đất nông nghiệp:..... ha

+ Diện tích đất lâm nghiệp:..... ha

+ Diện tích mặt nước bãi bồi ha

+ Diện tích đất khác :.....ha

+ Diện tích đất dự kiến giao/hộ: Đất ở:.....ha; Đất sản xuất:..... ha;

+

c) Diện tích rừng

+ Diện tích rừng phòng hộ:.....ha;

+ Diện tích khoán BVR ha/hộ

+

d) Mục tiêu, phương hướng sản xuất theo dự án:

-

-

e) Quy mô tiếp nhận dân vào vùng dự án:

- Số dân hiện có trong vùng dự án (nếu có) hộ..... khẩu

- Quy mô tiếp nhận: hộ..... khẩu

- Dự kiến tiến độ tiếp nhận:

+ Đợt I: Thời gian:..... Số lượng..... hộ

Đến điểm dân cư:.....

+ Đợt II: Thời gian:..... Số lượng..... hộ (nếu có)

Đến điểm dân cư:.....

Kết luận:

Trên cơ sở những nội dung đã kiểm tra, chúng tôi cùng thống nhất kết luận:

- Các hạng mục đã đủ (hoặc chưa đủ) điều kiện để sắp xếp dân cư:

+ Hạ tầng:

.....
.....

+ Đất đai

.....
.....

+ Phương án sản xuất

.....
.....

Dự án đã đủ (hoặc chưa đủ) điều kiện đưa dân đến vùng dự án.

Biên bản được lập thành..... bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ..... bản./.

ĐẠI DIỆN HỘ GIA ĐÌNH THAM GIA KIỂM TRA

(Ký và ghi rõ họ tên)

.....
.....
.....

**UBND CẤP XÃ
NƠI ĐI**
(Ký tên và đóng dấu)

CHỦ DỰ ÁN
(Ký tên và đóng dấu)

**UBND CẤP XÃ
NƠI ĐẾN**
(Ký tên và đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN PHÒNG, BAN
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN**
(ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Hình thức bố trí, ổn định dân cư xen ghép nội xã thì không cần lập biên bản này.

N_y

PHỤ LỤC V

(Ban hành kèm theo TT số **19** /2015/TT-BNNPTNT ngày **27** tháng **4** năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TÊN ĐƠN VỊ CẤP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
PHÁT TIỀN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.... năm

**DANH SÁCH CÁC HỘ THAM GIA DỰ ÁN (PHƯƠNG ÁN)
NHẬN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ**

Tên dự án, phương án:.....
Đối tượng bố trí, ổn định dân cư:.....(*)
Hình thức bố trí, ổn định:.....

Số TT	Họ và tên chủ hộ	Số sổ hộ khẩu hoặc Chứng minh thư nhân dân	Số khẩu trong hộ	Tổng số tiền hỗ trợ (triệu đồng)	Ký nhận	Ghi chú
1						
2						
...						
	Tổng số					

- Tổng số tiền ghi bằng chữ:

UBND CẤP XÃ NƠI ĐẾN
(Ký tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ CẤP PHÁT TIỀN
Người cấp phát Thủ trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên) (Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(*) đối tượng: thiên tai, biên giới, hải đảo, đặc biệt khó khăn, di cư tự do, cư trú trong rừng đặc dụng.

PHỤ LỤC VI

(Ban hành kèm theo TT số **19** /2015/TT-BNNPTNT ngày **27** tháng **4** năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN (*)

GIAO, NHẬN SỔ HỘ THAM GIA DỰ ÁN (PHƯƠNG ÁN)

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm tại (xã).....
Chúng tôi gồm có:

I. Đại diện nơi đi (bên giao)

- Đại diện chính quyền địa phương (UBND cấp huyện, xã):.....
- Đại diện cơ quan quản lý và thực hiện bố trí, ổn định dân cư
-
-

II. Đại diện nơi đến (bên nhận)

- Đại diện chính quyền địa phương (UBND cấp huyện, xã):.....
- Đại diện cơ quan quản lý và thực hiện bố trí, ổn định dân cư
-

III. Chủ dự án

Tiến hành giao, nhận các hộ thuộc Dự án (phương án)....., cụ thể
như sau:

1. Số hộ, khẩu

2. Hồ sơ bố trí, ổn định dân cư kèm theo gồm có:

- Đơn tự nguyện bố trí, ổn định dân cư của các hộ
- Danh sách trích ngang các hộ bố trí, ổn định dân cư
- Quyết định của UBND cấp huyện về việc bố trí, ổn định dân cư đến vùng dự

án

Chúng tôi nhất trí thông qua biên bản về sổ hộ tham gia dự án, phương án và hồ
sơ kèm theo.

Biên bản được lập thành..... bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ..... bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
(Ký tên và đóng dấu)

CHỦ DỰ ÁN (*)
(Ký tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(*) Trường hợp di chuyển dân trong cùng một xã và ổn định tại chỗ thì không cần lập biên bản này).

(**) Trường hợp bố trí, ổn định dân cư vào các xã nhận dân xen ghép thì thay xác nhận của Chủ
dự án bằng xác nhận của UBND xã.

Handwritten signature

PHỤ LỤC VII

(Ban hành kèm theo TT số **19** /2015/TT-BNNPTNT ngày **27** tháng **4** năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.... năm.....

BIÊN BẢN NGHIỆM THU SỔ HỘ THAM GIA DỰ ÁN (PHƯƠNG ÁN)

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm tại (xã).....

Chúng tôi gồm có:

1. Đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã (Nơi đến)

-
-

2. Chủ dự án

-

Tiến hành nghiệm thu các hộ đã bố trí, ổn định tại dự án (phương án)....., cụ thể như sau:

Danh sách hộ được nghiệm thu

STT	Họ và tên Chủ hộ	Năm sinh		Số khẩu trong hộ	Số sổ hộ khẩu hoặc số Chứng minh thư nhân dân	Nơi đi
		Nam	Nữ			
1						
2						
...						

Tổng cộng: hộ,.....khẩu.

UBND CẤP XÃ
(Ký tên, đóng dấu)

CHỦ DỰ ÁN
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Dự án bố trí, ổn định tại chỗ thì không phải làm biên bản này.